

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY TRI THỨC BẢN ĐỊA TRONG BÁCH KHOA THƯ ĐỊA PHƯƠNG

LƯU THỊ LIÊN

Viện Ngôn ngữ học,

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nhận bài ngày 05/8/2026. Sửa chữa xong 04/9/2026. Duyệt đăng 12/9/2026.

Abstract

Indigenous knowledge encompasses the knowledge associated with the culture and society of a particular locality. It has been transmitted across generations and gradually enriched through narratives, accumulated experience, customs, regulations, and rituals. Because communities inhabit different environments and acquire distinct experiences, their indigenous knowledge also varies. This knowledge constitutes a valuable practical resource that supports the application of modern science and contributes to agricultural development, environmental protection, and responses to climate-related challenges. This article examines the role of local encyclopedias in systematizing and preserving indigenous knowledge. It thereby clarifies relevant theoretical and practical issues and explores ways to promote the value of indigenous knowledge in the context of globalization.

Keywords: Indigenous knowledge, local encyclopedias, sustainable development.

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình toàn cầu hóa, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa trở thành yêu cầu sống còn của mỗi quốc gia, dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định một cách mạnh mẽ rằng văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực, sức mạnh nội sinh bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước. Quan điểm này thể hiện nhận thức đúng đắn và sâu sắc về vai trò của văn hóa - với tư cách là một nguồn lực to lớn để tạo ra “sức mạnh mềm” của quốc gia, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Tuy nhiên, khi bước vào hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam phải đối diện với nguy cơ mai một văn hóa khi các tri thức bản địa - vốn gắn bó mật thiết với môi trường sống, sinh kế và bản sắc văn hóa cộng đồng - đang dần bị lãng quên. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải có những phương thức khoa học và hệ thống để bảo tồn và phát huy. Bách khoa thư địa phương, với đặc trưng ghi nhận, chuẩn hóa và lưu giữ các tri thức ấy, trở thành công cụ hữu hiệu để vừa bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống, vừa khẳng định bản sắc dân tộc trong dòng chảy toàn cầu. Đồng thời, bách khoa thư còn góp phần biến tri thức bản địa từ vốn kinh nghiệm truyền đời thành nguồn lực tri thức có thể chia sẻ, tiếp cận rộng rãi, phục vụ phát triển bền vững trong thời đại mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Bách khoa thư địa phương

Bách khoa thư là một công trình tra cứu tổng hợp nhiều lĩnh vực kiến thức của nhân loại. Trong tiếng Anh, từ *encyclopedia* xuất phát từ tiếng Hy Lạp cổ *ἐγκύκλιος παιδεία* (encyklios paideia) nghĩa là “kiến thức phổ thông”, “giáo dục toàn diện”. Bách khoa thư ra đời từ thời cổ đại (khoảng thế kỷ IV TCN ở Hy Lạp) và phát triển liên tục qua các thời kỳ lịch sử. Trong tiến trình phát triển đó, cùng với những bộ bách khoa thư tổng hợp phản ánh tri thức nhân loại nói chung, dần dần xuất hiện các dạng thức bách khoa thư mang tính đặc thù, trong đó có bách khoa thư địa phương. Bách khoa thư địa phương, rõ ràng như tên gọi của mình, là công trình tra cứu tổng hợp, phản ánh một cách hệ thống và toàn diện các khía cạnh tự nhiên, lịch sử, văn hóa, kinh tế – xã hội của một địa phương cụ thể. Tuy nhiên, về loại hình, bách

Email: luulienbs80@gmail.com

khoa thư địa phương khiến nhiều học giả phải phân vân. Trong lịch sử nghiên cứu bách khoa thư học ở Việt Nam, đã xuất hiện nhiều cách tiếp cận khác nhau về phân loại bách khoa thư. Hà Học Trạc cho rằng có thể chia bách khoa thư thành bốn loại: bách khoa thư tổng hợp, bách khoa thư chuyên ngành, bách khoa thư địa phương và bách khoa thư theo đối tượng phục vụ (Vũ Trường Giang, 2012). Trong khi đó, Nguyễn Kim Thản lại thiên về cách tiếp cận dựa trên phạm vi bao quát tri thức, theo đó chỉ tồn tại hai loại cơ bản: bách khoa thư tổng hợp và bách khoa thư chuyên ngành (Kim Ngọc, 2014). Sự khác biệt này chủ yếu bắt nguồn từ tiêu chí phân loại. Như vậy, nếu nhấn mạnh phạm vi tri thức, bách khoa thư địa phương khó có thể coi là một loại hình độc lập; song nếu đặt trong tiêu chí đối tượng, mục đích và phạm vi sử dụng, bách khoa thư địa phương lại mang những đặc thù rõ rệt.

Từ góc độ lý luận, chúng tôi cho rằng bách khoa thư địa phương không nên bị nhìn nhận một cách máy móc và nặng nề trong hệ thống phân loại cứng nhắc. Thực chất, nó *cần được xem như một dạng ứng dụng đặc thù*: nếu phản ánh toàn diện nhiều lĩnh vực tri thức trong phạm vi một tỉnh, một vùng thì nó gần với bách khoa thư tổng hợp - bách khoa thư tổng hợp về địa phương (ví dụ: *Bách khoa thư Hà Nội*, *Bách khoa thư Hải Phòng*...); nếu tập trung chủ yếu vào những tri thức chuyên biệt (như nông nghiệp, y học dân gian, phong tục tập quán...) thì nó lại gần với bách khoa thư chuyên ngành - bách khoa thư chuyên ngành địa phương (ví dụ: *Bách khoa thư Mông Cổ học*, *Bách khoa thư du lịch Hà Giang*, *Bách khoa thư nghề thủ công cổ truyền Bắc Bộ*...). Hiểu theo cách này, điều làm nên giá trị nổi bật của bách khoa thư địa phương không nằm ở loại hình, mà ở khả năng phản ánh các đặc thù lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội... của một địa phương; qua đó, ghi nhận, hệ thống hóa và bảo tồn tri thức bản địa – vốn gắn liền với đời sống, văn hóa và bản sắc của cộng đồng.

2.2. Vị trí của tri thức bản địa trong bách khoa thư địa phương

So với lịch sử của bách khoa toàn thư, thì tri thức bản địa có bề dày hơn hàng nghìn năm, gắn chặt với môi trường tự nhiên, phương thức sản xuất, tín ngưỡng và bản sắc văn hóa của từng cộng đồng. Từ nửa đầu thế kỷ XX trở về trước, đã có nhiều công trình nghiên cứu về văn hoá tri thức cộng đồng. Tuy nhiên, trong các công trình nghiên cứu này, thuật ngữ “tri thức bản địa” chưa phổ biến và ít được sử dụng. Đến năm 1979, trong các tác phẩm của mình, học giả là Robert Chambers đã chính thức sử dụng thuật ngữ này. Đến năm 1980, hai học giả khác là Brokensha và D.M. Warren cũng thường xuyên sử dụng.

Ở Việt Nam, PGS.TS Trần Công Khánh và TS Trần Văn Ôn cho rằng: “Tri thức bản địa là hệ thống bao gồm rất nhiều lĩnh vực liên quan đến sản xuất, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, sức khỏe, tổ chức cộng đồng, của một tộc người hoặc một cộng đồng tại một khu vực địa lý cụ thể. Nó được hình thành trong quá trình sống và lao động của cả cộng đồng, từ đàn ông, đàn bà, người lớn tuổi đến trẻ em. Nó được lưu giữ bằng trí nhớ và lưu truyền bằng miệng” (Trần Công Khánh, Trần Văn Ôn, 2005).

Khi thuật ngữ “tri thức bản địa” trở nên phổ biến, đã có nhiều học giả phân tích, đưa ra quan điểm và định nghĩa từ nhiều điểm nhìn, nhiều khía cạnh khác nhau. Nhưng tổng kết lại, về cơ bản, có thể khái quát và khẳng định tri thức bản địa là hệ thống kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng của mỗi cộng đồng địa phương riêng biệt đã tích lũy và truyền lại từ thế hệ trước truyền cho thế hệ sau và qua nhiều thế hệ được hun đúc lại. Mỗi cộng đồng, vùng miền có một tri thức bản địa riêng khác biệt. Tri thức được hình thành từ môi trường sống, phương thức sản xuất, sinh hoạt, vị trí địa lý, bản sắc văn hoá xã hội, phong tục tập quán cụ thể mang đậm dấu ấn của cộng đồng đó.

Trong quá trình nghiên cứu và biên soạn bách khoa thư địa phương, tri thức bản địa luôn là nhân tố nòng cốt, then chốt, cốt lõi, là xương sống mang lại tư liệu phục vụ. Bởi vì bách khoa thư địa phương không chỉ là công trình tổng hợp các kiến thức khoa học, lịch sử mà còn nghiên cứu, ghi chép lại những giá trị văn hoá truyền thống đặc thù của cả cộng đồng.

Những yếu tố này không thể tìm thấy ở bất kỳ nơi nào khác, vì chúng phản ánh cách thức con người đã tương tác và thích nghi với đặc điểm địa lý, khí hậu, văn hóa và lịch sử của vùng đất mà họ sinh sống. Do đó, tri thức bản địa không chỉ đơn giản là phần tài nguyên tri thức của cộng đồng, mà còn đóng vai trò căn bản trong việc tạo dựng và phát triển bản sắc văn hóa của địa phương. Mỗi tri thức bản địa, dù là về phương thức canh tác, nghề thủ công, hay phong tục tập quán, đều gắn liền với môi trường

và những giá trị sống đặc thù của cộng đồng. Khi được ghi nhận trong bách khoa thư địa phương, tri thức bản địa giúp làm rõ yếu tố đặc trưng khác biệt ở địa phương của mỗi cộng đồng, đóng góp vào việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, đồng thời khẳng định sự độc đáo và khác biệt của từng địa phương trong một nền văn hóa toàn cầu hóa.

Tóm lại, tri thức bản địa có một vị trí vô cùng quan trọng, chiếm vị trí trung tâm trong bách khoa thư địa phương, vì nó giúp phản ánh sâu sắc các đặc trưng của mỗi cộng đồng và cũng tạo nên sự khác biệt giữa cộng đồng này với cộng đồng khác. Nó cũng là nền tảng để bảo tồn bản sắc văn hóa của từng khu vực. Khi tri thức bản địa được ghi nhận và hệ thống hóa trong bách khoa thư địa phương, không chỉ giúp bảo tồn những giá trị truyền thống mà còn tạo ra cơ hội phát triển bền vững cho các cộng đồng trong bối cảnh hiện đại.

2.3. Vai trò của bách khoa thư địa phương với việc bảo tồn và phát huy giá trị của tri thức bản địa

Mặc dù tri thức bản địa đã tồn tại song hành với lịch sử loài người, nhưng trong các bách khoa thư đầu tiên, nội dung này hầu như chưa được chú trọng. Điều này có thể lý giải bởi bách khoa thư, ngay từ buổi đầu hình thành ở phương Tây, chủ yếu phản ánh tri thức hàn lâm – tức những lĩnh vực được xem là nền tảng của giáo dục và khoa học thời cổ. Những cuốn bách khoa thư đầu tiên của nhân loại, với tính chất cơ bản là sách về “bảy nghệ tự do” (ngữ pháp học, logic học, tu từ học, hình học, số học, thiên văn học, âm nhạc) (Vũ Trường Giang, 2012), về sau thêm 2 nghệ nữa là y học và kiến trúc. Trong bối cảnh đó, tri thức bản địa với tính chất kinh nghiệm dân gian, truyền miệng và gắn liền với đời sống cộng đồng địa phương chưa được coi trọng như một bộ phận tri thức chính thống, do đó khó có cơ hội được ghi nhận trong các công trình mang tính khái quát và chuẩn mực như bách khoa thư. Về sau, cùng với sự phát triển của khoa học xã hội và nhận thức ngày càng rõ về vai trò của tri thức địa phương đa dạng, bách khoa thư, đặc biệt là bách khoa thư địa phương, bắt đầu được xem như một kênh quan trọng để ghi nhận tri thức bản địa. Cụ thể, vai trò của bách khoa thư địa phương với các giá trị tri thức bản địa được thể hiện rõ trên các khía cạnh sau:

2.3.1. Bách khoa thư địa phương là công cụ ghi nhận và lưu giữ tri thức bản địa

Trong thời kỳ thế giới mở, toàn cầu hóa và hiện đại hóa, nhu cầu ghi nhận và bảo tồn tri thức bản địa càng trở nên cấp thiết. Bởi vì, khi toàn cầu hoá, internet phát triển mạnh mẽ, thế giới mở ra cho tất cả mọi người cơ hội tiếp cận kho tàng tri thức của nhân loại nhưng cũng đồng thời kéo theo nhiều nguy cơ xâm nhập nền văn hoá ngoại lai, không phù hợp và làm mai một bản sắc văn hoá riêng của cộng đồng dân tộc. Bên cạnh đó, ngày nay khoa học công nghệ phát triển, con người phát minh ra nhiều phương thức sản xuất hiện đại, phục vụ cho cuộc sống tốt hơn khiến cho những tri thức truyền thống từ thời xa xưa trở nên lạc hậu, không phù hợp sẽ trở nên bị mai một, lãng quên và có nguy cơ biến mất. Để gìn giữ nền văn hoá, tri thức bản địa, việc xây dựng nghiên cứu bách khoa thư địa phương không chỉ là một hoạt động khoa học, một nhu cầu tìm hiểu về lịch sử văn hoá xã hội của thế hệ đi trước của cộng đồng đó mà sâu xa hơn, mở rộng hơn còn nhằm bảo vệ tri thức của nhân loại.

Xã hội hoá toàn cầu ngày càng mạnh mẽ thì việc phát triển bách khoa thư địa phương càng nên được chú trọng, bởi nó đóng vai trò ghi chép và hệ thống hoá tri thức bản địa. Hơn nữa, tri thức bản địa không tồn tại tách rời mà gắn liền với môi trường sống và nền văn hoá bản địa, bao gồm các kỹ năng canh tác nông nghiệp, thủ công truyền thống, y học, phong tục, văn hoá... trong đời sống cộng đồng. Tuy nhiên, tri thức bản địa lại được lưu giữ chủ yếu bằng truyền miệng hay thông qua các phong tục tập quán của địa phương nên nếu không được chú trọng đầu tư, lưu giữ, ghi chép thì tri thức ấy dễ bị mai một và biến mất vĩnh viễn.

Trong bối cảnh đó, bách khoa thư địa phương chính là phương thức hiệu quả để chuyển tải tri thức truyền miệng sang hình thức văn bản khoa học; từ chỗ rời rạc, phi chính thống trở thành nguồn tư liệu có hệ thống, có giá trị tham khảo học thuật và được thừa nhận rộng rãi.

Trên thực tế, bên cạnh những tri thức địa phương đã bộc lộ sự lạc hậu trong thời đại ngày nay, có rất nhiều tri thức đã được chắt lọc và vẫn chứng tỏ giá trị thực tiễn, đặc biệt trong bối cảnh thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường hay phát triển bền vững. Tuy nhiên, do được gắn nhãn “bản địa” hay “cổ truyền”, những tri thức này thường bị cho là lỗi thời, lạc hậu và bị đặt ở vị thế thứ yếu so với tri thức khoa học - kỹ thuật hiện đại. Theo học giả Michel Foucault, tri thức không bao giờ trung lập, mà luôn gắn chặt với quyền lực và những cấu trúc diễn ngôn quyết định cái gì được công nhận là “hợp lệ” và cái gì bị coi là “ngoại

biên”. Hiểu một cách linh hoạt, các soạn giả có thể khiến cho các tri thức - như tri thức bản địa còn, có giá trị khoa học và thực tiễn được hệ thống hóa, biên soạn và xuất bản trong hình thức bách khoa thư, giúp các tri thức này, từ chỗ bị coi là kiến thức truyền khẩu, phi chính thống, nay được đặt ngang hàng với các nguồn tri thức khác, được trao cho một vị thế mới trong không gian học thuật và xã hội. Chính sự chuyển đổi vị thế này mở ra cơ hội để tri thức bản địa được tham gia vào các cuộc đối thoại rộng lớn hơn, được đóng góp cho hoạch định chính sách, giáo dục, cũng như các chiến lược phát triển địa phương và quốc gia.

2.3.2. Bách khoa thư địa phương tạo nên “bản đồ tri thức” cộng đồng

Ở một nghĩa rộng, bách khoa thư địa phương có thể được coi như một “bản đồ tri thức” toàn diện của cộng đồng. Trong “bản đồ tri thức” đó tập hợp, hệ thống hoá và mô tả đầy đủ các đặc điểm của khu vực đó, bao gồm vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội. Đồng thời, “bản đồ tri thức” này ghi chép, tổng hợp lại toàn bộ kho tàng kinh nghiệm ứng xử của cá nhân và cả cộng đồng được đúc rút trong môi trường tự nhiên, trong phương thức sản xuất, tín ngưỡng, phong tục đến văn hoá nghệ thuật dân gian gắn liền với đời sống con người đã được kiểm chứng qua thời gian để tạo thành tri thức bản địa. Ví dụ như đồng bằng có kỹ thuật trồng lúa, đan lát, vùng cao có kỹ thuật làm ruộng bậc thang, kỹ thuật dệt vải thổ cẩm, vùng ven biển có kinh nghiệm quản lý và xử lý nguồn nước ngập mặn... Như vậy, từ những điều kiện tự nhiên đặc thù của từng vùng miền, trải dài theo thời gian, con người ở khu vực đó đúc rút ra những kinh nghiệm quý báu để sinh tồn và phát triển, đó đều được gọi là những tri thức bản địa.

Phân tích từ những yếu tố trên, khái quát lại, bách khoa thư địa phương đóng vai trò như một “bản đồ tri thức”, ghi chép, tổng hợp, bảo tồn và phục hồi những giá trị đã và đang bị mai một, tập hợp những kinh nghiệm rời rạc thành một hệ thống. Vì vậy, việc biên soạn bách khoa thư cần được đầu tư kỹ càng và nghiêm túc, cần có sự kết hợp liên ngành và có sự tham gia của chính cộng đồng bản địa đó để có đủ cơ sở khoa học, đảm bảo tính chính xác, khách quan và đáng tin cậy.

2.3.3. Sự kết hợp giữa tri thức bản địa và tri thức khoa học trong bách khoa thư địa phương

Tri thức khoa học có tính hiện đại, mang tính hệ thống, khái quát cao, được hình thành chủ yếu qua các nhà thông thái, được hệ thống hoá và truyền lại qua con đường học vấn, mang dấu ấn cá nhân hoặc tập thể, có sự kiểm chứng rộng rãi thông qua các nghiên cứu khoa học và có các kết quả qua thử nghiệm; các sản phẩm của tri thức khoa học có thể được nghiên cứu riêng cho vùng miền nhất định và sản phẩm có thể được công bố rộng rãi nhưng không có tính bản địa. Ví dụ như sản phẩm gạo ST25 là kết quả của công trình nghiên cứu khoa học dựa trên điều kiện tự nhiên ở miền Tây, hay nghiên cứu bưởi La Tinh ở Hoài Đức, Hà Nội,... Còn tri thức bản địa lại ghi đậm dấu ấn của lịch sử văn hoá khu vực, cộng đồng. Phản ánh những kinh nghiệm được đúc rút từ thực tế xuất phát qua môi trường sống và sinh hoạt hàng ngày. Những kinh nghiệm đó không phải trải qua ngày một ngày hai mà có, mà nó được truyền từ đời này sang đời khác, từ thế hệ trước truyền lại cho thế hệ sau. Thế hệ sau có thể tiếp nhận và áp dụng hoặc thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

Hai nguồn tri thức khoa học và tri thức bản địa tuy thuộc hai lĩnh vực khác nhau nhưng chúng không loại trừ nhau mà còn bổ sung, hỗ trợ nhau. Tri thức bản địa cung cấp chiều sâu văn hoá – lịch sử thì tri thức khoa học lại mang tính khái quát, và có giá trị ứng dụng cao hơn. Ví dụ như trong tri thức bản địa, thay vì gieo trồng nông sản theo mùa, lấy kinh nghiệm từ ông cha để lại để thực hiện thì tri thức khoa học lại dựa trên những nghiên cứu khoa học để tạo ra những sản phẩm sao cho phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng miền đó và đạt được kết quả cao nhất. Tri thức khoa học có thể phân tích, vận dụng dựa trên những kinh nghiệm thực tế thù hợp của tri thức bản địa để thúc đẩy quá trình nghiên cứu khoa học.

Nếu như tri thức khoa học được công bố rộng rãi trên toàn cầu thì tri thức bản địa hầu như chỉ thực hiện trong phạm vi cộng đồng, khu vực nhất định. Bởi vậy bách khoa thư địa phương không chỉ là cầu nối, kết hợp giữa tri thức bản địa với tri thức khoa học, giữa kinh nghiệm, truyền thống với nghiên cứu hiện đại mà còn là nơi biến tri thức bản địa từ chỗ bị coi là kinh nghiệm dân gian “phi chính thống” trở thành dòng chảy tri thức chính thống. Tri thức bản địa từ chỗ chỉ là kinh nghiệm của một vùng, nhưng qua bách khoa thư địa phương, tri thức bản địa có cơ hội được mở rộng “vươn xa” ra khỏi vùng lãnh thổ của mình. Từ đó tri thức bản địa góp phần vào sự đa dạng của kho tàng tri thức nhân loại.

Bởi vậy, muốn phát triển kinh tế xã hội, nếu chỉ dựa vào khoa học hiện đại thì chưa đủ mà cần phải bổ sung cả các tri thức bản địa. Đồng thời, kết hợp cả hai loại tri thức này mới có thể tạo nên sự phát triển toàn diện.

2.4. Một số vấn đề thực tiễn khi phản ánh tri thức bản địa trong bách khoa thư địa phương

Trong bối cảnh công nghiệp hoá hiện đại hoá toàn cầu như hiện nay, các ngành khoa học công nghệ hiện đại được chú trọng đầu tư phát triển mạnh mẽ, mang lại thành quả làm thay đổi nhiều mặt trong mọi lĩnh vực kinh tế - chính trị, văn hoá – xã hội không chỉ của một địa phương mà còn của cả quốc gia. Điều đó đã thu hút sự quan tâm đầu tư, thúc đẩy phát triển mang tính quốc tế hoá. Trong khi đó, tri thức bản địa chủ yếu phục vụ cho nền nông nghiệp, lại dựa trên những kinh nghiệm tích lũy được truyền qua các thế hệ nên bị cho là lạc hậu không còn phù hợp và dần bị mai một, lãng quên, dẫn đến bị thất truyền. Tuy nhiên, khi bách khoa thư địa phương ra đời đã trở thành ngôi nhà nuôi dưỡng, đặt tri thức bản địa ngang tầm với các nguồn tri thức khác. Từ đó, tri thức bản địa vươn ra khỏi phạm vi cộng đồng và có cơ hội được nhiều người biết đến hơn. Vậy làm thế nào để phản ánh tri thức bản địa một cách trọn vẹn và đầy đủ nhất trong bách khoa thư địa phương cũng là vấn đề còn gặp nhiều khó khăn cần được giải quyết.

Trước hết, tri thức bản địa chủ yếu mang tính truyền miệng, được thực hành thông qua các buổi sinh hoạt văn hoá tập thể hay các buổi nghi lễ cộng đồng, mang tính rời rạc, không có hệ thống hay sự kiểm chứng, thậm chí có nhiều phiên bản khác nhau, dẫn đến việc thu thập và xác nhận thông tin gặp rất nhiều khó khăn. Thậm chí, việc xác định các mảng trong tri thức bản địa cũng cần xem xét kỹ lưỡng. Có nhiều kinh nghiệm trong tri thức bản địa không còn phù hợp với giá trị theo tiêu chuẩn hiện đại nhưng vẫn phản ánh được những giá trị văn hoá, lịch sử của cộng đồng, khi đưa vào bách khoa thư địa phương sẽ để ở phần mục nào thì phù hợp. Quá trình thu thập thông tin đòi hỏi phải có phương pháp liên ngành có liên quan, đồng thời ghi chép và phân tích một cách toàn diện để đảm bảo tính chính xác và hiệu quả cao nhất.

Thứ hai, việc áp dụng và chuyển đổi tri thức bản địa theo chuẩn mực khoa học cũng gặp nhiều khó khăn. Bởi tri thức bản địa và tri thức khoa học là hai lĩnh vực có đặc điểm tương đối khác biệt. Trong khi tri thức bản địa mang tính biểu tượng, tâm linh, chứa đựng cả văn hóa của cộng đồng, không thể định lượng được, thì tri thức khoa học lại không có tính cộng đồng, không có màu sắc văn hóa và các chỉ số đo lường được định lượng cụ thể, chính xác. Vì vậy, việc chuyển đổi từ tri thức bản địa sang tri thức khoa học cần phải được làm cẩn trọng để không làm giảm đi tính nguyên bản của nó mà vẫn giữ được giá trị khoa học mang tính thực tiễn cao.

Trong xu hướng hội nhập quốc tế, ngành du lịch, thương mại phát triển mạnh mẽ, tri thức bản địa trở thành điểm mạnh để phát triển du lịch. Bên cạnh đó, khách du lịch ở khắp mọi nơi, mọi quốc gia khác nhau đến tham quan cũng khiến văn hóa ngoại lai dễ dàng du nhập, dẫn đến tri thức bản địa có nguy cơ bị thương mại hóa, bị pha trộn mà làm mất đi bản sắc văn hóa cộng đồng. Vì vậy, việc biên soạn bách khoa thư địa phương cần được quan tâm, chú trọng để đảm bảo đó vừa là tài liệu ghi chép, vừa là nền tảng tri thức đáng tin cậy, lưu giữ và bảo tồn và phát triển nền tri thức bản địa.

Tuy nhiên, để biên soạn bách khoa thư địa phương một cách bài bản và chất lượng lại đòi hỏi có nguồn nhân lực dồi dào, có trình độ chuyên môn cao, am hiểu tri thức bản địa, có thời gian và nguồn lực tài chính tốt. Đây cũng là sự thách thức lớn trong quá trình bắt tay vào thực hiện công trình biên soạn bách khoa thư địa phương.

Từ những phân tích thực tiễn trên, có thể thấy bách khoa thư địa phương có vai trò rất quan trọng trong việc bảo tồn và phát triển tri thức bản địa, như một công cụ ghi chép, tổng hợp, khái quát, phân loại và hệ thống hóa tri thức bản địa một cách bài bản, có kiểm chứng. Nhờ đó, những tri thức vốn chỉ tồn tại dưới hình thức truyền miệng, trong đời sống văn hoá dân gian có thể được lưu truyền bền vững dưới dạng văn bản khoa học và tư liệu hoá. Đồng thời, bách khoa thư địa phương cũng cân bằng giữa tri thức bản địa với tri thức khoa học, giữa diễn giải khoa học và khai thác giá trị văn hóa một cách bền vững. Việc hiểu rõ được vai trò của bách khoa thư địa phương và giải quyết được các vấn đề thực tiễn này góp phần quan trọng trong công cuộc xây dựng một nền kinh tế xã hội phát triển hiện đại mà vẫn giữ được bản sắc văn hoá truyền thống.

3. Kết luận

Trong thời đại ngày nay, khi khoa học hiện đại ngày càng phát triển, tri thức bản địa tuy không còn theo kịp,

không đáp ứng được các tiêu chuẩn của khoa học hiện đại, nhưng về mặt giá trị lịch sử, văn hoá tinh thần của cộng đồng thì tri thức bản địa vẫn có một giá trị không thể thay thế được. Giá trị này không chỉ mang bản sắc của cộng đồng đó mà còn có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc góp phần giữ gìn văn hoá của nhân loại. Bởi vậy, bên cạnh việc phát triển tri thức khoa học hiện đại, cần có những chính sách đầu tư bảo tồn, khôi phục và phát huy giá trị tri thức bản địa. Bách khoa thư địa phương đối với tri thức bản địa lại có một ý nghĩa rất quan trọng. Đây là công trình vừa tổng hợp vừa hệ thống hoá tri thức bản địa, lại có sự kết hợp giữa tri thức bản địa với tri thức khoa học hiện đại. Từ đó, không chỉ là công cụ hỗ trợ cho việc học tập, tìm hiểu về địa phương, giúp người sử dụng tra cứu những tri thức cộng đồng mà còn trở thành công cụ chiến lược trong việc cung cấp dữ liệu, hỗ trợ hoạch định chính sách và thúc đẩy phát triển bền vững ở địa phương.

Tài liệu tham khảo

- Hà Học Trạc (2004). *Lịch sử – Lí luận và thực tiễn biên soạn bách khoa toàn thư*. NXB Từ điển Bách khoa.
- Kim Ngọc (2014). Ngành bách khoa thư học trên thế giới và ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 10, tr. 83.
- Nguyễn Kim Thân (2003). *Nguyễn Kim Thân tuyển tập*. NXB Khoa học xã hội.
- Trần Công Khánh, & Trần Văn Ôn (2005). *Tri thức bản địa trong chăm sóc sức khỏe* [Báo cáo hội thảo khoa học *Tri thức bản địa*]. Ba Vì.
- Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam (2020). *Từ điển học và bách khoa thư Việt Nam: Lí luận và thực tiễn: Kỷ yếu hội thảo khoa học*. NXB Dân trí.
- Vũ Trường Giang (2012). Tri thức bản địa. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, (6).
-

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO...

Tiếp theo trang 166

5. Kết luận

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ “nâu” sang “xanh” đặt ra yêu cầu mới đối với nguồn nhân lực của Quảng Ninh. Những năm qua, tỉnh đã có kết quả nhất định, thể hiện qua tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 87,5%, cơ sở vật chất giáo dục từng bước được đầu tư và một số chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao được triển khai. Tuy nhiên, cơ cấu ngành nghề đào tạo chưa theo kịp nhu cầu nhân lực của các lĩnh vực kinh tế xanh; ngoại ngữ, kỹ năng mềm và kỹ năng số chuyên sâu của một bộ phận lao động còn hạn chế; liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp chưa chặt chẽ, trong khi hạ tầng phục vụ đời sống người lao động tại các khu công nghiệp còn thiếu. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất bốn nhóm giải pháp: hoàn thiện chính sách thu hút và trọng dụng nhân lực; điều chỉnh chương trình đào tạo theo yêu cầu về kỹ năng xanh và kỹ năng số; tăng cường phối hợp giữa Nhà nước, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; cải thiện điều kiện nhà ở và các dịch vụ thiết yếu tại khu công nghiệp. Việc thực hiện cần gắn với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp và những thay đổi của thị trường lao động trong quá trình chuyển đổi xanh, chuyển đổi số.

Tài liệu tham khảo

- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Quảng Ninh (2024). *Báo cáo tình hình thu hút đầu tư FDI và thực trạng nguồn nhân lực tại các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*.
- Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2021). *Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 27/08/2021 quy định chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại Trường Đại học Hạ Long, Trường Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh, Trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh giai đoạn 2021–2025*.
- Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh (2025). *Nghị quyết số 57/2025/NQ-HĐND ngày 17/07/2025 quy định chính sách thu hút, hỗ trợ nhân lực về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2025–2030*.
- Nguyễn Thị Kim Anh (2023). Phát triển nguồn nhân lực cho tăng trưởng xanh ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Lý luận Chính trị*, (543), 45–52.
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ninh (2024). *Báo cáo kết quả đánh giá nhu cầu tuyển dụng và khoảng trống kỹ năng của lực lượng lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023–2025*.
- Thủ tướng Chính phủ (2023). *Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050*.
- Trường Đại học Hạ Long (2024). *Báo cáo thường niên và kết quả đổi mới chương trình đào tạo đại học đáp ứng yêu cầu chuyển dịch kinh tế xanh tỉnh Quảng Ninh*.
- UBND tỉnh Quảng Ninh (2024). *Quyết định số 1061/QĐ-UBND ngày 04/04/2024 phê duyệt Đề án “Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”*.
- UNESCO-UNEVOC (2021). *Greening technical and vocational education and training: A practical guide for institutions*. UNESCO Publishing.